**BÀI 6. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU Á**

**Thời gian thực hiện: tiết**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được đặc điểm dân cư: qui mô và cơ cấu dân số ở châu Á.

**2. Năng lực**

***\*Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; tự đặt ra mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện;

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Đặt ra mục đích giao tiếp và hiểu được vai trò quan trọng của việc đặt mục tiêu trước khi giao tiếp;

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập; đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.

***\*Năng lực đặc thù***

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: mô tả được đặc điểm dân cư châu Á: qui mô và cơ cấu dân số.

- Năng lực tìm hiểu địa lí: khai thác thông tin, tài liệu văn bản, Internet để tìm hiểu đặc điểm dân số châu Á: qui mô và cơ cấu dân số.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: tìm kiếm thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu về đặc điểm dân cư, xã hội ở châu Á.

- Có khả năng hình thành, phát triển ý tưởng và trình bày kết quả một bài tập của cá nhân về các nội dung yêu cầu của bài học.

**3. Phẩm chất**

- Yêu nước: yêu gia đình, quê hương, đất nước.

- Nhân ái: tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng; cảm thông, sẵn sàng giúp đỡ mọi người; cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

- Chăm chỉ: luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tậpở trường lớp, cộng đồng; thích đọc sách báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết;

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Bảng số liệu, biểu đồ về dân cư châu Á.

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung bài học (tiết học).

- Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 7 (phần Địa lí).

**2. Học sinh**

- SGK Lịch sử và Địa lí 7, vở ghi, dụng cụ học tập.

- Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí lớp 7 (phần Địa lí).

- Sưu tầm tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung bài học (tiết học).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1. Xác định nhiệm vụ học tập**

***\* Mục tiêu***

- Tạo tâm thế học tập mới cho học sinh, học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới.

***\* Nội dung hoạt động***

- HS dựa vào kiến thức và hiểu biết của mình tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi.

***\* Tổ chức hoạt động***

**Hoạt động cá nhân/cặp, bàn**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

- GV nêu câu hỏi thảo luận: ***Các yếu tố tự nhiên đã học có ảnh hưởng như thế nào đến các đặc điểm dân cư châu Á? Theo em, yếu tố nào ảnh hưởng nhiều nhất đến sự phân bố dân cư?***

- HS suy nghĩ 5 phút rồi viết ra giấy. HS nào viết đúng nhiều nhất và nhanh nhất sẽ giành chiến thắng.

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS dựa vào thông tin đã được học tìm kiếm câu trả lời và ghi vào giấy nháp;

- GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ thực hiện nhiệm vụ của HS.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- HS trao đổi và trả lời nhanh câu hỏi trò chơi.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.

***\* Sản phẩm hoạt động***

- HS trả lời các câu hỏi theo sự hiểu biết của bản thân.

**2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về qui mô và cơ cấu dân số châu Á**

***\* Mục tiêu***

- Trình bày được đặc điểm qui mô và cơ cấu dân số ở châu Á.

- Rèn luyện kĩ năng phân tích, khai thác bảng số liệu.

***\* Nội dung hoạt động***

- HS khai thác thông tin mục 1a và Bảng 6.1 SGK, trình bày đặc điểm dân cư châu Á.

***\* Tổ chức hoạt động***

**Hoạt động thảo luận nhóm**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

*\*GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu các nhóm khai thác thông tin mục 1.a, quan sát các bảng sau, trả lời các câu hỏi:*

***+ Nhóm 1,4:*** Tìm hiểu qui mô dân số của châu Á.

BẢNG SỐ DÂN, MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA CHÂU Á VÀ THẾ GIỚI NĂM 2020

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Châu lục** | **Số dân**  *(Triệu người)* | **Mật độ dân số**  *(người/km2)* |
|
| Châu Á | 4641,1 | 150 |
| Thế giới | 7794,8 | 60 |

- So sánh số dân và mật độ dân số của châu Á với thế giới.

- Dân số châu Á chiếm tỉ lệ khoảng bao nhiêu % thế giới?

- Kết luận về quy mô dân số châu Á.

***+ Nhóm 2,5:*** Tìm hiểu sự gia tăng dân số ở châu Á.

BẢNG SỐ DÂN CỦA CHÂU Á QUA CÁC NĂM

*(Đơn vị: triệu người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2010** | **2015** | **2020** |
| Số dân | 3978,1 | 4209,6 | 4433,5 | 4641,1 |

- Qua bảng trên nhận xét sự thay đổi dân số châu Á. Giải thích vì sao.

- Cho biết tỉ lệ gia tăng dân số của thế giới.

- Để hạn chế sự gia tăng dân số, hiện nay nhiều nước châu Á đã làm gì?

***+ Nhóm 3,6:*** Tìm hiểu cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của châu Á.

BẢNG CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI CỦA CHÂU Á,

GIAI ĐOẠN 2005 - 2020 *(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Nhóm tuổi** | **2005** | **2010** | **2015** | **2020** |
| Từ 0 - 14 tuổi | 27,6 | 25,9 | 24,6 | 23,5 |
| Tù 15 đến 59 tuổi | 66,1 | 67,4 | 67,9 | 67,6 |
| Từ 65 tuổi trở lên | 6,3 | 6,7 | 7,5 | 8,9 |

- Từ bảng trên, nhận xét cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của châu Á theo gợi ý sau:

+ Nhóm tuổi nào có xu hướng tăng, giảm tỉ lệ?

+ Nhóm tuổi nào chiếm tỉ lệ cao nhất, thấp nhất?

+ Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi có xu hướng như thế nào?

- Ảnh hưởng của dân số đông và cơ cấu dân số trẻ đến sự phát triển kinh tế - xã hội như thế nào?

- Kể tên các chủng tộc ở châu Á. Phần lớn dân cư Việt Nam thuộc chủng tộc nào?

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- Các nhóm tìm và ghi chép những nội dung phù hợp với nhiệm vụ được phân công.

- GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ làm việc, giúp đỡ nhóm gặp khó khăn.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- Hết thời gian, các nhóm lần lượt trình bày kết quả làm việc của nhóm.

- Nhóm khác cùng thực hiện nhiệm vụ khác nhận xét, bổ sung.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét trình bày của HS, cung cấp thêm thông tin và chốt kiến thức.

***\* Sản phẩm hoạt động***

|  |
| --- |
| **1. Đặc điểm dân cư** |
| ***a. Qui mô và cơ cấu dân số***  ***\*Qui mô dân số***  - Số dân đông nhất thế giới: 4,64 tỉ người, chiếm gần 60% dân số thế giới.  - Trung Quốc và Ấn Độ có số dân đông nhất châu Á.  - Hiện nay, tỉ suất tăng dân số tự nhiên đang có xu hướng giảm, chỉ còn 0,86% (2020).  - Chủng tộc đa dạng: Môn-gô-lô-it, Ơ-rô-pê-ô-it, Ô-xtra-lô-it...tạo nền văn hóa đa dạng.  ***\*Cơ cấu dân số***  + Theo độ tuổi:  - Cơ cấu dân số trẻ: nhóm 0 - 14 tuổi đang có xu hướng giảm, nhóm từ 65 tuổi trở lên tăng.  - Một số nước đang có xu hướng già hóa: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc...  + Cơ cấu dân số theo giới:  - Tỉ lệ nam cao hơn tỉ lệ nữ trong tổng số dân.  =>Ảnh hưởng đến lực lượng lao động, sự phát triển kinh tế các nước trong tương lai. |

**3. Hoạt động 3. Luyện tập**

***\*Mục tiêu***

- Củng cố, khắc sâu nội dung kiến thức bài học; hệ thống lại nội dung kiến thức vừa tìm hiểu về đặc điểm dân cư, tôn giáo lớn ở châu Á.

***\*Nội dung hoạt động***

- Vận dụng kiến thức bài học và hiểu biết cá nhân để trình bày được những nội dung kiến thức vừa tìm hiểu về đặc điểm dân cư, tôn giáo lớn ở châu Á.

***\*Tổ chức hoạt động***

**Hoạt động cá nhân, cặp/bàn**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

*\* GV yêu cầu HS lên bảng tổng kết nội dung bài học.*

- Tổ chức chơi trò chơi: **AI NHANH HƠN**

Giáo viên mời 2 đội chơi: Mỗi đội 5 học sinh

- Luật chơi: Mỗi đội có 10 miếng ghép quốc kì quốc gia đông dân ở châu Á. Trong đó có 5 miếng ghép đúng và 5 miếng ghép sai.

- Từng học sinh của mỗi đội cầm miếng ghép về các quốc gia lên bảng ghép sao cho đúng vào bản đồ châu Á. Bạn thứ nhất về chỗ, bạn tiếp theo mới được lên. Thời gian cho mỗi đội là 40 giây.

- Đội nào ghép đúng, nhanh và đẹp nhất thì giành được phần thắng.

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS khai thác thông tin và dựa vào hiểu biết cá nhân trả lời câu hỏi;

- GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ làm việc, giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- HS trình bày trước lớp kết quả làm việc cá nhân.

- HS khác nhận xét, bổ sung.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV thông qua trình bày của HS rút ra nhận xét, khen ngợi và rút kinh nghiệm những hoạt động rèn luyện kĩ năng của cả lớp.

***\* Sản phẩm hoạt động***

- HS trình bày kết quả làm việc cá nhân.

**4. Hoạt động 4. Vận dụng**

***\*Mục tiêu***

- HS vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề.

***\*Nội dung hoạt động***

- Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành bài tập.

***\*Tổ chức hoạt động***

**HS thực hiện ở nhà**

***Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập***

- GV giao nhiệm vụ: về nhà thiết kế 1 bài báo cáo về những tác động của cơ cấu dân số trẻ nhưng đang có xu hướng già hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở châu Á.

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***

- HS hỏi và đáp ngắn gọn những vấn đế cần tham khảo.

***Bước 3. Báo cáo, thảo luận***

- GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

***Bước 4. Kết luận, nhận định***

- GV nhận xét về các phương án lí giải của HS đưa ra, hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu, giờ sau trả lời (báo cáo).

***\* Sản phẩm hoạt động***

- HS về nhà tự tìm tòi, khám phá, mở rộng kiến thứ, sự hiểu biết của bản thân qua một số trang website, đường link, sách tham khảo...liên quan đến nội dung, yêu cầu của GV.

**------------------------------------------------------**

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

https://www.facebook.com/groups/vnteach/

https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/